TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20** /2021/DS-ST.
Ngày: 08/9/2021
Về việc: T/c Hợp đồng vay TS

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Tạ Hồng Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ma Thị Thu Loan** và ông **Phạm Văn Vượng**

- *Thư ký phiên to*à: Bà **Phạm Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2021/TLST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2021, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Th,** sinh năm 1979 và anh **Đặng Việt H,** sinh năm 1978

Người đại diện theo ủy quyền của anh H.: Chị Phan Thị Th.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (anh H. vắng mặt, chị Th. có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Lương Thị O,** sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Nơi làm việc: Trường tiểu học và THCS xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 06/5/2010 bà Lương Thị O. có vay của chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền với nội dung bà Lương Thị O. vay của chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), giấy vay không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ. Sau đó bà O. không trả được tiền nên ngày 12/9/2012 bà O. và anh H. có viết Biên

bản thỏa thuận trả nợ tiền vay với nội dung bà O. tự nguyện trả nợ dần cho anh H. qua tiền lương hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) với lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi. Bà O. đã trả được đến tháng 4/2018, từ tháng 5/2018 đến nay không trả được đồng nào. Tháng 7/2021 chị Th. anh H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà O. có nghĩa vụ trả cho anh chị tổng số tiền gốc và lãi là 344.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai, đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. trình bầy: Do mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 06/5/2010 anh chị có cho bà Lương Thị O. vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), khi vay có viết giấy vay tiền và hẹn khi nào chị Th. anh H. cần tiền thì sẽ báo trước cho bà O. 1 tháng để bà O. thu xếp tiền trả. Sau đó, do người nhà có việc cần tiền nên anh chị đã báo cho bà O. biết và yêu cầu trả tiền nhưng bà O. không trả tiền cho anh chị. Ngày 12/9/2012 anh H. đã kết hợp với nhà trường và bà O. lập biên bản thỏa thuận trả nợ với nội dung bà O. tự nguyện trả nợ dần cho anh H. qua tiền lương hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) với lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi. Bà O. đã trả được tổng số tiền lãi từ tháng 10/2012 đến hết tháng 4/2018 là 171.000.000 đồng (một trăm bẩy mươi mốt triệu đồng), từ tháng 5/2018 đến nay bà O. không trả tiền cho anh chị. Do vậy, anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết buộc bà Lương Thị O. có nghĩa vụ trả cho anh chị số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) số tiền nợ lãi từ tháng 5/2018 tính đến ngày 30/6/2021 là 135.000.000 đồng. Tổng cộng 335.000.000 đồng và yêu cầu bà O. tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết số tiền nợ theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị O. trình bầy: Ngày 06/5/2010 bà có được vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. là thực tế, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà không có tiền trả cho anh H. chị Th. được. Ngày 12/9/2012 anh H. và bà có thỏa thuận phương thức trả tiền dần hàng tháng qua tiền lương của bà, số tiền 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2012. Chữ ký chữ viết của người vay tiền trong giấy biên nhận vay tiền ngày 6/5/2010 và Biên bản thỏa thuận trả nợ tiền vay ngày 12/9/2012 là chữ ký chữ viết của bà. Sau đó bà đã trừ qua lương để trả tiền cho anh H. chị Th. số tiền bao nhiêu bà không xác định được, từ năm 2019 đến nay bà không trả tiền cho anh H. chị Th. nữa vì bà đã trả quá nhiều. Bà nhất trí trả số tiền nợ theo yêu cầu của anh H. chị Th, nhưng bà muốn gặp anh H. chị Th. để thỏa thuận chốt lại số tiền nợ còn bao nhiêu bà sẽ trả dần sau.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương*:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn bà Lương Thị O. thì không nghiêm túc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Theo giấy vay tiền ngày 06/5/2010, biên bản thỏa thuận trả nợ tiền vay ngày 12/9/2012 thể hiện bà Lương Thị O. có vay của chị Phan Thị Th. và anh

Đặng Việt H. số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất 1,5%/tháng, phương thức trả nợ dần hàng tháng trừ qua lương. Quá trình thực hiện hợp đồng bà O. đã trả được tiền lãi đến tháng 4/2018, từ tháng 5/2018 không trả được tiền cho chị Th. anh H. nên chị Th. anh H. làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Căn cứ Điều 280, 466 - Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lương Thị O. có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về lãi suất, về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Bà Lương Thị O. có đăng ký HKTT tại: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo giấy vay tiền ngày 06/5/2010, biên bản thỏa thuận trả nợ tiền vay ngày 12/9/2012 thể hiện bà Lương Thị O. có vay của chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất 1,5%/tháng, phương thức trả nợ dần hàng tháng trừ qua lương, từ tháng 5/2018 bà O. không trả được tiền nên chị Th. anh H. có đơn khởi kiện ra Toà án yêu cầu giải quyết buộc bà O. có nghĩa vụ trả cho chị Th. số tiền nợ gốc và lãi đã vay. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 26, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về người tham gia tố tụng: Theo nguyên đơn cung cấp và lời khai của bà O. thể hiện địa chỉ của bị đơn bà Lương Thị O. ở Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Bà O. là giáo viên trường tiểu học và THCS Q, bà O. có biết việc Tòa án báo gọi giải quyết nhưng vẫn vắng mặt. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

3.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ lời trình bầy của chị Phan Thị Th.; lời khai của anh Đặng Việt H, của bà Lương Thị O.; căn cứ bản chính Giấy vay tiền, biên bản thỏa thuận trả nợ tiền vay do nguyên đơn cung cấp, thể hiện: Ngày 06/5/2010 bà Lương Thị O. có vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H, sau đó bà O. không trả được tiền nên ngày 12/9/2012 bà O. và anh H. có viết biên bản thỏa thuận trả nợ tiền vay. Từ tháng 5/2018 đến nay bà O. không trả được tiền cho anh H. chị Th. nên anh H. chị Th. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị O. có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi cho anh H. chị Th. là có cơ sở, phù hợp thỏa thuận trong Giấy vay tiền và quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Lương Thị O. thừa nhận bà có được vay số tiền trên của chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. và nhất trí có trách nhiệm trả tiền cho anh H. chị Th. Ngoài ra bà còn có nguyện vọng được gặp anh H. chị Th. để chốt lại số tiền nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết bà O. đã không gặp anh H. chị Th. để chốt nợ, không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc có chấp nhận hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét những chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Về lãi suất:

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao thể hiện: Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của BLDS 2015 thì áp dụng pháp luật để xác định lãi suất như sau: *". Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2006 đến trước ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005. Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015"*

HĐXX thấy rằng, Biên bản thỏa thuận trả nợ tiền vay lập ngày 12/9/2012, phương thức trả nợ trừ dần qua lương cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, lãi thỏa thuận 1,5%. Như vậy, Hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng đang được thực hiện, lãi suất 1,5%/tháng = 18%/năm, phù hợp với quy định tại Điều 468 – Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao để tính lãi suất là phù hợp, cụ thể:

- Thời gian từ 1/10/2012 đến 31/12/2016 là 51 tháng, được áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để xác định lãi, lãi suất. Lãi suất 1,5%/tháng do các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng"*. Căn cứ quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, lãi suất cơ bản tại thời điểm các bên thiết lập hợp đồng cho vay tiền bằng đồng Việt Nam là 9,0%/ năm, tức 0,75%/ tháng. Như vậy mức lãi suất bà O. phải thanh toán sẽ là 0,75% x 150% = 1,125%/tháng x 200.000.000 đồng x 51 tháng = 114.750.000 đồng tiền lãi.

- Thời gian từ 01/01/2017 đến ngày xét xử (8/9/2021) là 56 tháng 9 ngày được áp dụng Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Lãi suất 1,5%/ tháng do các bên thỏa thuận = 18%/năm, chưa vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm…*" Như vậy, mức lãi suất bà O.

phải thanh toán là 1,5% x 200.000.000 đồng x 56 tháng + (1,5% x 200.000.000 đồng : 30 ngày x 9 ngày) = 168.900.000 đồng tiền lãi.

Tổng cộng, số tiền lãi bà O. phải trả là 283.650.000 đồng (hai trăm tám mươi ba sáu trăm năm mươi nghìn đồng), Bà O. đã trả được số tiền lãi từ tháng 10/2012 đến hết tháng 4/2018 là 171.000.000 đồng (một trăm bẩy mươi mốt triệu đồng), số tiền lãi bà O. còn phải trả tiếp là 112.650.000 đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3.3. Từ nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. buộc bà Lương Thị O. có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. số tiền còn nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) số tiền lãi là 112.650.000 đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 312.650.000 đồng (ba trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lương Thị O. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Phan Thị Th. anh Đặng Việt H. không phải chịu án phí, trả lại cho anh H. chị Th. số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 147, 161, 162, 227, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 466, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lương Thị O. có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), số tiền nợ lãi là 112.650.000 đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 312.650.000 đồng (ba trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lương Thị O. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.632.500 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Chị Phan Thị Th. và anh Đặng Việt H. không phải chịu án phí dân sự, trả lại cho chị Th, anh H. số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003927 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh, huyện (02 bản);
- CC THA DS huyện SD (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Nghệ - Trần Hữu Lượng **Tạ Hồng Chiến**

Theo biên bản thỏa thuận trả nợ tiền vay ngày 12/9/2012 thể hiện lãi suất do 2 bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Bà O. đã trả tiền nhiều lần, nhiều thời điểm khác nhau nên không xác định được mốc thời gian và số tiền đã trả là bao nhiêu. Theo nguyên đơn cung cấp số tiền bà O. đã trả được tính từ thời điểm ký biên bản đến hết tháng 4/2018, từ tháng 5/2018 đến nay chưa trả được đồng nào, đề nghị giải quyết về số tiền lãi theo quy định pháp luật. ..